SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Thời gian ký: 2026-05-14T11:06:51+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2101 /QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng Địa điểm: Phường An Hải, thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật phòng cháy chữa cháy số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học,công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố hướng dẫn chi tiết áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) đối với công trình dân dụng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố hướng dẫn áp dụng chung Mô hình thông tin công trình (BIM);

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về chủ trương đầu tư dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng;

Theo Công văn số 3624/UBND-SKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc liên quan dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của UBND phường An Hải về việc chấp thuận Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng TL 1/500 dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng;

Theo Công văn số 165/BDDHTKT-TCKH ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng về việc đăng ký môi trường cho dự án Không gian đổi mới sáng tạo;

Theo Báo cáo số 292026/BCTT-SBFC ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần tư vấn và Quản lý chất lượng SBFC về kết quả thẩm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng tại Tờ trình số 1532/TTr-BDDHTKT ngày 07 tháng 04 năm 2026 về việc đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng và của Sở Xây dựng tại Công văn số 7495/SXD-QLXD ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng.
2. Địa điểm xây dựng: Phường An Hải, thành phố Đà Nẵng.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

4. Chủ đầu tư kiêm quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tổ chức tư vấn lập mô hình thông tin công trình (BIM)

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng An Thy.

- Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra BIM: Công ty Cổ phần tư vấn và quản lý chất lượng SBFC.

- Tổ chức tư vấn khảo sát địa hình, địa chất: Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng M.I.T.C.O.

- Tổ chức tư vấn lập mô hình thông tin công trình (BIM): Công ty Cổ phần công nghệ xây dựng INC BIM.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm B, công trình dân dụng cấp II.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Không nhỏ hơn 50 năm.

7. Mục tiêu dự án

Đầu tư xây dựng Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng là tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ nhằm cung cấp không gian đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung, cơ sở vật chất – kỹ thuật của cơ sở ươm tạo và trang thiết bị kỹ thuật dùng chung, thiết bị văn phòng, hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội khoá 15. Trên cơ sở Nghị quyết số 136/2024/QH15 và Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND, trong đó quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (như khai thác, cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ không thông qua đấu giá, hỗ trợ kinh phí thuê tài sản...), việc triển khai đầu tư dự án Không gian đổi mới sáng tạo nhằm góp phần phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với vai trò là trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, một thành phố hiện đại, thịnh vượng, nơi thu hút các tài năng khởi nghiệp, sản sinh và nuôi dưỡng các tập đoàn công nghệ.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Phần xây lắp

- Xây mới Khối nhà 15 tầng nổi, 02 tầng hầm và 01 tầng kỹ thuật.

- Tường rào, cổng phụ, nhà bảo vệ.

- Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Sân vườn, cây xanh; cấp điện, cấp thoát

nước ngoài nhà,...

b) Phần thiết bị

-Trang thiết bị xây lắp: Hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thông tin liên lạc; Hệ thống điều hòa, thông gió; Hệ thống quản lý tòa nhà; Hệ thống bãi đỗ xe thông minh; Thang máy; Hệ thống cấp, thoát nước,….

- Trang thiết bị nội thất, văn phòng.

- Thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin thông minh, phòng máy chủ...

- Hệ thống Trung tâm dữ liệu dự án đặt tại Khu Công viên phần mềm số 2 (tầng 2 tòa nhà ICT 20 tầng) theo chủ trương của UBND thành phố tại Công văn số 3624/UBND-SKHCN ngày 07/5/2026, đầu tư kết nối truyền dẫn cáp quang của dự án về Trung tâm dữ liệu tại Khu Công viên phần mềm thành phố; đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ trực tiếp hoạt động của Không gian đổi mới sáng tạo, bao gồm hạ tầng mạng dữ liệu, hệ thống tính toán, hệ thống lưu trữ và hệ thống an toàn thông tin, đầu tư hạ tầng phụ trợ cơ nhiệt điện...

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Theo phụ lục đính kèm.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 489.112.642.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín tỷ, một trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*. Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	223.520.539.022	đồng
- Chi phí thiết bị	:	199.196.230.062	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	6.461.612.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	16.221.886.000	đồng
- Chi phí khác	:	2.152.767.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	41.559.607.916	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

15. Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình

- Giao Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật phối hợp Sở Khoa học công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng và các đơn vị liên quan xây dựng phương án vận hành khai thác và quy chế quản lý sử dụng, đảm bảo công trình thi công hoàn thành đưa vào sử dụng ngay, phát huy hết công năng và hiệu quả khai thác sử dụng.

- Sở Khoa học công nghệ chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng tiếp nhận, vận hành công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng đảm bảo hiệu quả, phù hợp quy định.

16. Đề án quản lý, vận hành, khai thác tài sản hạ tầng khoa học và công nghệ

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức xây dựng Đề án quản lý, vận hành, khai thác tài sản hạ tầng khoa học và công nghệ thuộc dự án Không gian đổi mới sáng tạo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đảm bảo hiệu quả đầu tư, vận hành, khai thác tài sản hạ tầng khoa học và công nghệ phù hợp quy định về pháp luật đầu tư công, đầu tư tài sản hạ tầng khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng chịu trách nhiệm triển khai quản lý, thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, hoàn chỉnh đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư xây dựng theo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đúng quy định về công tác nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngay nhằm đảm bảo hiệu quả dự án.

- Sở Khoa học và Công nghệ, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ theo các nội dung lưu ý, kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản thẩm định nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Khoa học công nghệ, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND Phường An Hải; Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIII;
- Lưu: VT, SXD, ĐTĐT.

12

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

(Kèm theo Quyết định số 2101 /QĐ-UBND ngày 14 / 5 /2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

- Bộ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam (Tập 1 ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996; Tập 2, 3 ban hành theo Quyết định số 439/BXD-CSXD ngày 25/09/1997);

- QCVN 10:2024/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN 05:2008/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 09:2017/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khoẻ con người;

- QCVN 14: 2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- TCVN 4319:2012 - Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế;

- TCVN 4316:1986: Về thiết kế công trình công cộng;

- TCVN 3905:1984: Thông số hình học Nhà ở và nhà công cộng;

- TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động;

- TCVN 9362:2012: Nền nhà và công trình;

- TCVN 9379:2012: Nguyên tắc cơ bản về tính toán xây dựng và nền;

- TCVN 5573:1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép;

- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông cốt thép;

- TCVN 5575:2024: Kết cấu thép;

- TCVN 198:1997 : Nhà cao tầng - Thiết kế kết cấu BTCT toàn khối;

- TCVN 10304:2025: Móng cọc;

- TCVN 9345:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Hướng dẫn kỹ

thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm;

- TCVN 9386:2025: Thiết kế công trình chịu động đất;

- TCVN 7505:2005: Quy phạm sử dụng kính trong xây dựng - Lựa chọn và lắp đặt;

- TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;

- TCVN 9207:2012: Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng;

- TCVN 7114-1:2008: Chiếu sáng nơi làm việc - Phần 1: Trong nhà;

- TCVN 9888: 2013: Bảo vệ chống sét;

- TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong;

- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong;

- TCVN 3989:2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công;

- TCVN 7957:2008: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;

- TCVN 5687:2010: Thông gió, điều tiết không khí, sưởi ấm;

- TCVN 3890:2023: Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất – thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4054:2005: Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;

- TCVN 104:2007: Đường đô thị - yêu cầu thiết kế;

- QCVN 33:2019/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;

- QCVN 22:2010/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho các thiết bị đầu cuối viễn thông;

- QCVN 32:2020/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông;

- TCVN 8665:2011: Tiêu chuẩn quốc gia về sợi quang dùng cho mạng viễn thông Yêu cầu kỹ thuật chung;

- TCVN 8691:2011: Tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống thông tin cáp sợi quang PDH – Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9250:2021: Tiêu chuẩn quốc gia về Phòng máy chủ - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.